TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị M**, sinh năm 1973.

- *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1970.

Cùng trú tại: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn H chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Từ khi chung sống đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được nữa. Nên, yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên: Đỗ Vũ K, sinh ngày 21/4/1995 (Giới tính: Nam) và Đỗ Như H, sinh ngày 16/11/2003 (Giới tính: Nữ). Cháu K đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết; Cháu H có nguyện vọng sống chung với ai (bà M hay ông H), thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà M chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; Nay, do vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; Không hàn gắn lại được; Đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 người con chung tên: Đỗ Vũ K, sinh ngày 21/4/1995 (Giới tính: Nam) và Đỗ Như H, sinh ngày 16/11/2003 (Giới tính: Nữ). Cháu K đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết; Cháu H có nguyện vọng sống chung với ai (bà M hay ông H), thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, xác định bà Đoàn Thị M và ông Đỗ Văn H không có đăng ký kết hôn; Đồng thời, bà M và ông H cùng xác định, ông bà xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1994; nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định; Mặc dù, bà M và ông H có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, bà M và ông H yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân giữa bà M và ông H có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[4] Về con chung: Giữa bà M và ông H có 02 người con chung tên: Đỗ Vũ K, sinh ngày 21/4/1995 (Giới tính: Nam) và Đỗ Như H, sinh ngày 16/11/2003 (Giới tính: Nữ). Cháu K đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết; Cháu H, hiện đang sống chung với bà M, có nguyện vọng được sống chung với bà M. Bà M và ông H thống nhất theo nguyện vọng của cháu H, ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi

dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên cần tiếp tục giao cháu H cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, phù hợp với nguyện vọng của cháu. Phù hợp, với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ: Do, bà M và ông H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc bà M phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm), theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đoàn Thị M và ông Đỗ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đoàn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Đỗ Như H, sinh ngày 16/11/2003 (Giới tính: Nữ), cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có

quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Số tiền 300.000 đồng mà bà Đoàn Thị M đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003192 ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang